

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 28/5/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

**- *Đ1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Nguyễn Văn Dũng.

Ông: Trần Anh Quang.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Thọ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Chí T- sinh ngày 23 tháng 9 năm 1984; Nơi cư trú thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá học hết lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Xuân Q- sinh năm 1953 và bà Bùi Thị Q1- sinh năm 1959; Vợ Hoàng Thị Thu Q2- sinh năm 1987; Con có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại tại thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt).

2. Nguyễn Xuân L- sinh ngày 20 tháng 5 năm 1979; Nơi cư trú thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá học hết lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1 (đã chết), con bà Đặng Thị L2- sinh năm 1954; Vợ Nguyễn Thị L3- sinh năm 1982; Con có ba con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt).

3. Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 19 tháng 9 năm 1989; Nơi cư trú thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá học hết lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ1- sinh năm 1956, con bà Nguyễn Thị Đ2- sinh năm 1959; Vợ Từ Thị Đ3- sinh năm 1990; Con có một con sinh năm 2019; Tiền án: Không;

Tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại tại thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt).

4. Nguyễn Văn K- sinh ngày 11 tháng 01 năm 1988; Nơi cư trú thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá học hết lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K1- sinh năm 1965, con bà Hoàng Thị K2- sinh năm 1965; Vợ Nông Thị K3- sinh năm 1991; Con có hai con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Vũ Đình M- sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt).

2. Anh Lê Quốc H- sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 50 phút ngày 04/02/2021, tại nhà ở của Nguyễn Xuân L ở thôn 3, xã V, huyện Đ, Công an huyện Đ đã phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính đối với L cùng 03 đối tượng khác đều ở cùng thôn là Đặng Chí T, Nguyễn Văn K, Vũ Đình M đang có hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức chơi ba cây. Quá trình lập biên bản thu giữ tại vị trí đánh bạc 01 chiếu tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và tổng số tiền 900.000đ. Công an huyện Đ đã triệu tập các đối tượng về trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, các đối tượng khai nhận, tham gia đánh bạc còn có 02 đối tượng khác là Nguyễn Văn Đ và Lê Quốc H ở cùng thôn. Căn cứ các lời khai trên, Công an huyện Đ tiếp tục triệu tập Đ và H đến làm việc. Tại đây, L, T, Đ và K thừa nhận đánh bạc với nhau với tổng số tiền đánh bạc là 5.300.000đ, H và M thừa nhận đánh bạc với nhau với tổng số tiền 900.000đ, đồng thời tự nguyện giao nộp tổng số tiền 5.300.000đ có liên quan đến hành vi vi phạm, trong đó, của T là 4.000.000đ, của L là 700.000đ, của Đ là 200.000đ và của H là 400.000đ. Quá trình điều tra làm rõ toàn bộ nội dung vụ án như sau: Khoảng 15 giờ ngày 04/02/2021, Đặng Chí T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn K, Lê Quốc H và Vũ Đình M đến nhà ở của Nguyễn Xuân L ở thôn 3, xã V, huyện Đ để chơi và hát karaoke. Trong khi ngồi hát, T rủ những người còn lại chơi đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức chơi ba cây, tất cả đều đồng ý. L lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn ở nhà rồi cùng T, Đ, K, H, M ngồi xuống giường ngủ ở phòng khách nhà mình chơi đánh bạc. Khi chơi, L cùng T, Đ, K thống nhất cách thức chơi như sau: Chọn 36 quân từ A đến 9 trong bộ bài tú lơ khơ rồi chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài để cộng điểm. Cao nhất là 10 điểm. Ai được 10 điểm sẽ là người cầm chương và chia bài. Người chơi cộng tổng điểm của mình rồi đem so với người cầm chương. Ai cao điểm hơn thì được người cầm chương trả 50.000đ, ai thấp điểm hơn thì phải trả cho người cầm

chương 50.000đ. Trong quá trình chơi, Đặng Chí T có 3.300.00đ, Nguyễn Xuân L có 1.100.000đ, Nguyễn Văn Đ có 600.000đ, Nguyễn Văn K có 300.000đ đều sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc của 04 bị cáo là 5.300.000đ.

Riêng Lê Quốc H và Vũ Đình M vẫn chơi với cách thức như trên nhưng không trực tiếp cầm bài, không tham gia cá cược với T, L, Đ, K mà chơi ké cửa, mỗi người tự nhận bài của một trong 04 người trên rồi cá cược riêng với nhau. M có 400.000đ, H có 500.000đ, đều sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc của 02 đối tượng là 900.000đ.

Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 15 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công huyện Đ phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Tại thời điểm bị phát hiện, Đặng Chí T thắng 700.000đ, để cùng số tiền 3.300.000đ ở trên người. Nguyễn Xuân L thua 400.000đ, còn 700.000đ để trên người. Nguyễn Văn Đ không thắng, không thua, để 400.000đ dưới chiếu, 200.000đ ở trên người. Nguyễn Văn K thua hết 300.000đ. Riêng Lê Quốc H thua 100.000đ, còn lại 400.000đ để trên người. Vũ Đình M thắng của H 100.000đ, để cùng số tiền 400.000đ dưới chiếu.

Đối với Lê Quốc H và Vũ Đình M có hành vi đánh bạc nhưng chỉ tham gia dưới hình thức ké cửa chứ không trực tiếp cầm bài hay cá cược cùng 04 bị cáo. Số tiền đánh bạc của 02 đối tượng trên dưới 5.000.000đ. Bản thân các đối tượng không có tiền án, tiền sự về tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Do vậy, Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính.

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo: Các bị cáo đều không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại bản cáo trạng số 19 ngày 08/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K.

Xử phạt bị cáo Đặng Chí T từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đặng Chí T từ 5% đến 10%. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Xuân L từ 5% đến 10%. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 5% đến 10%. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn K từ 5% đến 10%. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy của: Bị cáo Nguyễn Xuân L 01 chiếc tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Về án phí:

Các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát cũng như hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy tố đối với các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K đều khai nhận: Hồi 15 giờ 50 ngày 04/02/2021, tại nhà ở của Nguyễn Xuân L ở thôn 3, xã V, huyện Đ, L cùng Đặng Chí T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi ba cây, được thua bằng tiền với tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 5.300.000đ, trong đó T sử dụng 3.300.000đ, L sử dụng

1.100.000đ, Đông sử dụng 600.000đ và K sử dụng 300.000đ thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phát hiện bắt giữ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các biên bản hỏi cung bị can, bản kiểm điểm của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản sự việc do Công an huyện Đ lập, vật chứng của vụ án cùng các tài liệu đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Nội dung khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

*“ Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ”*

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm trật tự, an ninh xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần thiết phải xử nghiêm để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và ngăn chặn, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K nhân thân không có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội cả bốn bị cáo đều chưa từng vi phạm pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét: Các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên cả bốn bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng; Trong vụ án này bị cáo Đặng Chí T là người khởi sự và sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất để cùng các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi đánh bạc nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo L là người chủ động dùng chính nơi ở của mình để cùng đánh bạc với các bị cáo khác nên hình phạt của bị cáo L phải cao hơn hình phạt của bị cáo Đ và K. Các bị cáo Đ, K đều tham gia tích cực vào việc đánh bạc và sử dụng khoản tiền đánh bạc ít hơn các bị cáo T, L nên hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Đ, K thấp hơn hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo L. Cả bốn bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn

K đều làm nghề lao động tự do, mức thu nhập ổn định bình quân 3.000.000đ/ tháng nên cần áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự để khấu trừ thu nhập của bị cáo với mức khấu trừ thu nhập 5%/ tháng trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K đều không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với Lê Quốc H và Vũ Đình M có hành vi đánh bạc nhưng chỉ tham gia dưới hình thức kẻ cửa chứ không trực tiếp cầm bài hay cá cược cùng 04 bị cáo. Số tiền đánh bạc của H, M dưới 5.000.000đ. Bản thân H, M không có tiền án, tiền sự về tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Do vậy, Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng) là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với những vật chứng thu giữ của: Bị cáo Nguyễn Xuân L 01 chiếc tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Đây là những vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi đánh bạc của các bị cáo, hiện những vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên K2 tịch thu để tiêu hủy.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: cần buộc các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K phải nộp theo qui định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, mức hình phạt và đường lối xử lý vật chứng đối với các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K là đúng pháp luật cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K.

2. Tuyên bố các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

3. Xử phạt:

- Bị cáo Đặng Chí T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Chí T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đặng Chí T với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 18 (mười tám) tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 18 tháng, mỗi tháng 150.000đ). Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này

thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Đặng Chí T.

- Bị cáo Nguyễn Xuân L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Xuân L với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 15 (mười lăm) tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 15 tháng, mỗi tháng 150.000đ). Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Xuân L.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 12 (mười hai) tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 12 tháng, mỗi tháng 150.000đ). Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn K với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 09 (chín) tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 09 tháng, mỗi tháng 150.000đ). Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy của: Bị cáo Nguyễn Xuân L 01 chiếc tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ: Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Chí T, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Đ
- VKS tỉnh Phú Thọ.
- Sở tư pháp.
- CA huyện Đ.
- Chi cục THADS huyện Đ.
- UBND xã V.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS+VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Nguyễn Anh Tuấn**